

2598	15.0094.0958	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	Lần	3,096,000
2599	15.0097.0960	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	Lần	3,032,000
2600	15.0098.0929	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	Lần	1,709,000
2601	15.0099.1001	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	Lần	1,697,000
2602	15.0100.1001	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng laser	Lần	1,697,000
2603	15.0102.0970	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang	Lần	3,577,000
2604	15.0103.0942	Phẫu thuật cắt xoang hơi cuốn mũi giữa	Lần	4,262,000
2605	15.0104.0942	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	Lần	4,262,000
2606	15.0105.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	Lần	4,262,000
2607	15.0106.0969	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	Lần	4,262,000
2608	15.0107.0969	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần	Lần	4,262,000
2609	15.0108.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng laser	Lần	4,262,000
2610	15.0109.0969	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	Lần	4,262,000
2611	15.0110.0970	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	Lần	3,577,000
2612	15.0111.0970	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	Lần	3,577,000
2613	15.0112.0970	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	Lần	3,577,000
2614	15.0113.0970	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	Lần	3,577,000
2615	15.0114.0951	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	Lần	5,707,000
2616	15.0116.0947	Phẫu thuật vỡ xoang hàm	Lần	5,707,000
2617	15.0117.1001	Phẫu thuật mở xoang hàm	Lần	1,697,000
2618	15.0118.0947	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng- hàm	Lần	5,707,000
2619	15.0122.0946	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng	Lần	9,127,000
2620	15.0123.0912	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	Lần	2,855,000
2621	15.0125.1001	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	Lần	1,697,000
2622	15.0127.1002	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Lần	1,126,000
2623	15.0128.1002	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Lần	1,126,000
2624	15.0134.0913	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây tụt]	Lần	1,377,000
2625	15.0148.0966	Phẫu thuật chỉnh hình họng mãn hầu lưỡi gà (UPPP)	Lần	4,586,000
2626	15.0149.0870	Phẫu thuật cắt Amidan	Lần	1,268,000
2627	15.0150.0871	Phẫu thuật cắt Amidan bằng sóng cao tần [Coblator]	Lần	2,538,000
2628	15.0151.0937	Phẫu thuật cắt u Amidan [dao điện]	Lần	1,812,000

2629	15.0156.0929	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng máy (gây mê)[Coblator]	Lần	1,709,000
2630	15.0157.0929	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng dụng cụ cắt hút [Hummer]	Lần	1,709,000
2631	15.0158.1002	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	Lần	1,126,000
2632	15.0159.0965	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/hố lưỡi thanh thiệt	Lần	3,391,000
2633	15.0169.0966	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng dụng cụ cắt hút	Lần	4,586,000
2634	15.0174.0120	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	Lần	810,000
2635	15.0194.1001	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	Lần	1,697,000
2636	15.0195.1002	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	Lần	1,126,000
2637	15.0196.1048	Phẫu thuật cắt u lưỡi phần lưỡi di động	Lần	2,340,000
2638	15.0203.0988	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản	Lần	3,096,000
2639	15.0204.1043	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	Lần	1,102,000
2640	15.0205.1043	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	Lần	1,102,000
2641	15.0214.1002	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	Lần	1,126,000
2642	15.0224.1002	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	Lần	1,126,000
2643	15.0284.0944	Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm	Lần	4,994,000
2644	15.0285.0357	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần	Lần	4,612,000
2645	15.0286.0357	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần	Lần	4,612,000
2646	15.0287.0357	Phẫu thuật cắt thùy giáp	Lần	4,612,000
2647	15.0292.0957	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	Lần	4,986,000
2648	15.0300.0955	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	Lần	3,391,000
2649	15.0320.0985	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật liệu ghép tự thân	Lần	7,766,000
2650	15.0321.0912	Nắn chỉnh hình tháp mũi sau chấn thương	Lần	2,855,000
2651	15.0322.0985	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước	Lần	7,766,000
2652	15.0350.0970	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da	Lần	3,577,000
2653	15.0361.2036	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	Lần	4,054,000
2654	16.0022.1037	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học	Lần	1,223,000
2655	16.0023.1037	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	Lần	1,223,000
2656	16.0025.1037	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chỉnh chân răng bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	Lần	1,223,000
2657	16.0034.1038	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng	Lần	1,003,000
2658	16.0035.1023	Phẫu thuật nạo túi lợi	Lần	140,000

2659	16.0044.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	Lần	681,000
2660	16.0044.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6, 7 hàm dưới]	Lần	911,000
2661	16.0044.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	Lần	506,000
2662	16.0044.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	1,041,000
2663	16.0045.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 4, 5]	Lần	681,000
2664	16.0050.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	Lần	681,000
2665	16.0050.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm dưới]	Lần	911,000
2666	16.0050.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	Lần	506,000
2667	16.0050.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	1,041,000
2668	16.0051.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	1,041,000
2669	16.0053.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trám xoay cầm tay [răng số 4, 5]	Lần	681,000
2670	16.0053.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trám xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm dưới]	Lần	911,000
2671	16.0053.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trám xoay cầm tay [răng số 1, 2, 3]	Lần	506,000
2672	16.0053.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trám xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	1,041,000
2673	16.0234.1050	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	Lần	544,000
2674	16.0244.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,048,000

2675	16.0245.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	Lần	3,048,000
2676	16.0249.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,348,000
2677	16.0252.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,348,000
2678	16.0255.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,348,000
2679	16.0270.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,948,000
2680	16.0273.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,687,000
2681	16.0274.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	Lần	2,687,000
2682	16.0276.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,687,000
2683	16.0279.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,248,000
2684	16.0280.1066	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gãy mê hoặc gãy tê)	Lần	3,248,000
2685	16.0286.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	Lần	2,948,000
2686	16.0287.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	Lần	2,948,000
2687	16.0288.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định 2 hàm	Lần	2,948,000
2688	16.0294.1079	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	2,907,000
2689	16.0333.1070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	Lần	2,548,000
2690	16.0348.1089	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [hai bên]	Lần	3,368,000
2691	16.0348.1090	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [xương lồi cầu]	Lần	3,305,000
2692	16.0348.1091	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [một bên]	Lần	3,132,000
2693	20.0098.0637	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	Lần	3,086,000
2694	20.0103.0636	Nội soi buồng tử cung can thiệp	Lần	4,718,000
2695	26.0032.0578	Phủ khuyết rộng trên cơ thể bằng ghép vi phẫu mạc nối, kết hợp với ghép da kinh điển	Lần	5,714,000
2696	27.0005.0974	Phẫu thuật nội soi nạo sàng trước /sau	Lần	9,127,000
2697	27.0007.0969	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn mũi dưới	Lần	4,262,000
2698	27.0010.0970	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	Lần	3,577,000
2699	27.0042.0357	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp	Lần	4,612,000
2700	27.0043.0357	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp	Lần	4,612,000
2701	27.0044.0357	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp	Lần	4,612,000
2702	27.0045.0357	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp	Lần	4,612,000

2703	27.0047.0357	Phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp	Lần	4,612,000
2704	27.0048.0357	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	Lần	4,612,000
2705	27.0049.0357	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	Lần	4,612,000
2706	27.0050.0357	Phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	Lần	4,612,000
2707	27.0052.0357	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	4,612,000
2708	27.0053.0357	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	Lần	4,612,000
2709	27.0054.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	4,612,000
2710	27.0055.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	Lần	4,612,000
2711	27.0057.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow	Lần	4,612,000
2712	27.0058.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	Lần	4,612,000
2713	27.0059.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên trong ung thư	Lần	4,612,000
2714	27.0075.0125	Phẫu thuật nội soi xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	Lần	5,910,000
2715	27.0082.0125	Phẫu thuật nội soi cắt - khâu kén khí phổi	Lần	5,910,000
2716	27.0084.0452	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm cổ	Lần	3,714,000
2717	27.0085.0452	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm thất lưng	Lần	3,714,000
2718	27.0087.0124	Phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	Lần	5,132,000
2719	27.0093.1196	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u chẩn đoán	Lần	2,485,000
2720	27.0095.0413	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy phổi	Lần	9,323,000
2721	27.0096.0413	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy phổi kèm nạo vét hạch	Lần	9,323,000
2722	27.0097.0413	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi	Lần	9,323,000
2723	27.0098.0413	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi kèm nạo vét hạch	Lần	9,323,000
2724	27.0132.0445	Phẫu thuật Heller qua nội soi ngực trái	Lần	6,608,000
2725	27.0133.0445	Phẫu thuật Heller qua nội soi bụng	Lần	6,608,000
2726	27.0134.0445	Phẫu thuật Heller kết hợp tạo van chống trào ngược qua nội soi bụng	Lần	6,608,000
2727	27.0135.1209	Phẫu thuật mở cơ thực quản nội soi ngực phải điều trị bệnh co thắt thực quản nan tỏa	Lần	4,394,000
2728	27.0137.0452	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị khe hoành	Lần	3,714,000
2729	27.0138.0447	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng dạ dày	Lần	6,608,000

2730	27.0139.0447	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng đại tràng	Lần	6,608,000
2731	27.0140.1196	Phẫu thuật nội soi cố định dạ dày	Lần	2,485,000
2732	27.0143.0457	Phẫu thuật nội soi khâu thùng dạ dày + nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,714,000
2733	27.0144.0451	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	Lần	3,187,000
2734	27.0145.0457	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,714,000
2735	27.0146.1210	Phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày (Intraluminal Lap Surgery)	Lần	2,964,000
2736	27.0147.0502	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	Lần	2,796,000
2737	27.0148.0452	Phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X	Lần	3,714,000
2738	27.0149.0452	Phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc	Lần	3,714,000
2739	27.0150.0452	Phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X siêu chọn lọc	Lần	3,714,000
2740	27.0151.0450	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày	Lần	5,648,000
2741	27.0152.0457	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,714,000
2742	27.0153.0457	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng, nối túi mật - hồng tràng	Lần	4,714,000
2743	27.0154.0450	Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình	Lần	5,648,000
2744	27.0155.0450	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	Lần	5,648,000
2745	27.0156.0450	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	Lần	5,648,000
2746	27.0157.0450	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày	Lần	5,648,000
2747	27.0158.0450	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách	Lần	5,648,000
2748	27.0159.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1	Lần	5,648,000
2749	27.0160.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 α	Lần	5,648,000
2750	27.0161.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 β	Lần	5,648,000
2751	27.0162.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2	Lần	5,648,000
2752	27.0163.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3	Lần	5,648,000
2753	27.0164.0450	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2	Lần	5,648,000
2754	27.0165.0450	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2	Lần	5,648,000
2755	27.0166.1196	Phẫu thuật nội soi khâu thùng tá tràng	Lần	2,485,000
2756	27.0167.1196	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	Lần	2,485,000

2757	27.0168.0457	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,714,000
2758	27.0169.0457	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,714,000
2759	27.0170.0464	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	Lần	2,968,000
2760	27.0171.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng	Lần	4,714,000
2761	27.0172.0464	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	Lần	2,968,000
2762	27.0173.1196	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	Lần	2,485,000
2763	27.0174.0457	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên lồng	Lần	4,714,000
2764	27.0175.0459	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên lồng	Lần	2,866,000
2765	27.0176.0457	Phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non - ruột non	Lần	4,714,000
2766	27.0177.0455	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	Lần	2,756,000
2767	27.0178.0455	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	Lần	2,756,000
2768	27.0179.0502	Phẫu thuật nội soi mở hồng tràng ra da	Lần	2,796,000
2769	27.0180.0502	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da	Lần	2,796,000
2770	27.0181.0502	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	Lần	2,796,000
2771	27.0183.0462	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng	Lần	4,798,000
2772	27.0184.0457	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	Lần	4,714,000
2773	27.0185.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	Lần	4,714,000
2774	27.0186.0457	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ ruột non	Lần	4,714,000
2775	27.0188.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	Lần	2,869,000
2776	27.0189.2039	Phẫu thuật nội soi cắt lại móm ruột thừa	Lần	2,869,000
2777	27.0190.2039	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Lần	2,869,000
2778	27.0192.0457	Phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	Lần	4,714,000
2779	27.0193.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	Lần	4,714,000
2780	27.0194.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải + nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2781	27.0195.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng	Lần	4,714,000
2782	27.0196.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở + nạo vét hạch rộng	Lần	3,832,000
2783	27.0197.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang	Lần	4,714,000
2784	27.0198.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang + nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2785	27.0199.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái	Lần	4,714,000
2786	27.0200.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái+ nạo vét hạch	Lần	3,832,000

2787	27.0201.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông	Lần	4,714,000
2788	27.0202.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông+ nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2789	27.0203.0457	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng	Lần	4,714,000
2790	27.0204.0463	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng + nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2791	27.0205.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	Lần	4,714,000
2792	27.0206.0459	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	Lần	2,866,000
2793	27.0207.0459	Phẫu thuật nội soi khâu thùng đại tràng	Lần	2,866,000
2794	27.0208.0452	Phẫu thuật nội soi khâu thùng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	Lần	3,714,000
2795	27.0209.0452	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo	Lần	3,714,000
2796	27.0210.0457	Phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng - đại tràng ngang	Lần	4,714,000
2797	27.0211.0457	Phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng - đại tràng	Lần	4,714,000
2798	27.0212.1196	Phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo	Lần	2,485,000
2799	27.0213.0457	Phẫu thuật nội soi Điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)	Lần	4,714,000
2800	27.0215.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng	Lần	4,714,000
2801	27.0216.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng+ nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2802	27.0217.0457	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp	Lần	4,714,000
2803	27.0218.0463	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp+ nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2804	27.0219.0457	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng - ống hậu môn	Lần	4,714,000
2805	27.0220.0463	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng - ống hậu môn+ nạo vét hạch+ nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2806	27.0221.0457	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tầng sinh môn	Lần	4,714,000
2807	27.0222.0463	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tầng sinh môn + nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2808	27.0224.0463	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng móm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo+ nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2809	27.0225.0462	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng	Lần	4,798,000
2810	27.0226.0462	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng	Lần	4,798,000
2811	27.0227.0459	Phẫu thuật nội soi khâu thùng trực tràng	Lần	2,866,000
2812	27.0228.0452	Phẫu thuật nội soi khâu thùng trực tràng + hậu môn nhân tạo	Lần	3,714,000

2813	27.0229.0459	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng	Lần	2,866,000
2814	27.0230.0452	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	Lần	3,714,000
2815	27.0232.0457	Phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì	Lần	4,714,000
2816	27.0233.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng trong điều trị sa trực tràng	Lần	4,714,000
2817	27.0234.0462	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng trong điều trị sa trực tràng	Lần	4,798,000
2818	27.0235.0462	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng bằng lưới trong điều trị sa trực tràng	Lần	4,798,000
2819	27.0236.1210	Phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	Lần	2,964,000
2820	27.0260.1196	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	Lần	2,485,000
2821	27.0263.1196	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	Lần	2,485,000
2822	27.0266.0476	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	Lần	4,332,000
2823	27.0274.1196	Phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	Lần	2,485,000
2824	27.0293.1196	Phẫu thuật nội soi nối nang tụy - dạ dày	Lần	2,485,000
2825	27.0297.1196	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	Lần	2,485,000
2826	27.0300.1196	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách	Lần	2,485,000
2827	27.0305.0457	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	Lần	4,714,000
2828	27.0306.0490	Phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	Lần	4,119,000
2829	27.0307.1196	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	Lần	2,485,000
2830	27.0310.0457	Phẫu thuật nội soi nối tắt dạ dày - hồng tràng	Lần	4,714,000
2831	27.0313.1196	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo đường vào hoàn toàn trước phúc mạc (TEP)	Lần	2,485,000
2832	27.0314.1196	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo trước phúc mạc đường vào qua ổ bụng (TAPP)	Lần	2,485,000
2833	27.0315.1196	Phẫu thuật nội soi đặt lưới nhân tạo trong ổ bụng	Lần	2,485,000
2834	27.0316.1196	Phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	Lần	2,485,000
2835	27.0317.0452	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat - Jacob	Lần	3,714,000
2836	27.0320.0452	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen	Lần	3,714,000
2837	27.0321.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,646,000
2838	27.0322.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 2 bên	Lần	4,646,000
2839	27.0323.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,646,000

2840	27.0324.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 2 bên	Lần	4,646,000
2841	27.0325.0420	Nội soi cắt nang tuyến thượng thận	Lần	4,646,000
2842	27.0326.0420	Nội soi cắt chỏm nang tuyến thượng thận	Lần	4,646,000
2843	27.0327.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	Lần	4,832,000
2844	27.0328.1196	Phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	Lần	2,485,000
2845	27.0329.1197	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	Lần	1,647,000
2846	27.0330.1196	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	Lần	2,485,000
2847	27.0331.1196	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	Lần	2,485,000
2848	27.0332.1196	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	Lần	2,485,000
2849	27.0333.1197	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	Lần	1,647,000
2850	27.0335.1197	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	Lần	1,647,000
2851	27.0336.1210	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	Lần	2,964,000
2852	27.0337.1210	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong can thiệp nội soi ống mềm	Lần	2,964,000
2853	27.0339.0419	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ thận phụ	Lần	4,832,000
2854	27.0340.0419	Phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa	Lần	4,832,000
2855	27.0341.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u thận	Lần	4,832,000
2856	27.0342.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	Lần	4,832,000
2857	27.0343.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc	Lần	4,832,000
2858	27.0344.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	Lần	4,832,000
2859	27.0345.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính	Lần	4,832,000
2860	27.0346.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính	Lần	4,832,000
2861	27.0348.0420	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc	Lần	4,646,000
2862	27.0353.1196	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	Lần	2,485,000
2863	27.0354.1196	Tán sỏi thận qua da	Lần	2,485,000
2864	27.0355.1196	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	Lần	2,485,000
2865	27.0356.0418	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	Lần	4,548,000
2866	27.0357.0418	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	Lần	4,548,000
2867	27.0358.1209	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	Lần	4,394,000
2868	27.0359.1209	Nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận	Lần	4,394,000
2869	27.0360.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản do u đường bài xuất	Lần	4,832,000
2870	27.0362.0423	Nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản nội soi	Lần	3,329,000
2871	27.0363.0423	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	Lần	3,329,000
2872	27.0366.0423	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	Lần	3,329,000
2873	27.0367.0436	Nội soi mở rộng niệu quản, nông rộng niệu quản	Lần	1,971,000
2874	27.0369.0423	Nội soi tạo hình niệu quản sau tĩnh mạch chủ	Lần	3,329,000

2875	27.0370.1210	Phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản vào bàng quang	Lần	2,964,000
2876	27.0371.0418	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	Lần	4,548,000
2877	27.0372.1196	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	Lần	2,485,000
2878	27.0377.1197	Nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	Lần	1,647,000
2879	27.0378.0104	Nội soi nông niệu quản hẹp	Lần	1,001,000
2880	27.0379.0440	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	Lần	1,395,000
2881	27.0380.0418	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	Lần	4,548,000
2882	27.0381.0427	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang bán phần	Lần	6,494,000
2883	27.0382.0427	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang tận gốc	Lần	6,494,000
2884	27.0383.0426	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	Lần	5,081,000
2885	27.0384.1197	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang	Lần	1,647,000
2886	27.0386.0426	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	Lần	5,081,000
2887	27.0387.0427	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang, tạo hình bàng quang qua ổ bụng	Lần	6,494,000
2888	27.0388.1210	Phẫu thuật nội soi treo cổ bàng quang điều trị tiểu không kiểm soát	Lần	2,964,000
2889	27.0389.1196	Nội soi xẻ cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ bàng quang	Lần	2,485,000
2890	27.0391.0440	Nội soi bàng quang tán sỏi	Lần	1,395,000
2891	27.0392.1197	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	Lần	1,647,000
2892	27.0393.1196	Nội soi vá rò bàng quang - âm đạo	Lần	2,485,000
2893	27.0395.0433	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến tiền liệt	Lần	4,353,000
2894	27.0397.0433	Phẫu thuật nội soi cắt u tiền liệt tuyến triệt căn qua ổ bụng hoặc ngoài phúc mạc	Lần	4,353,000
2895	27.0399.0430	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	Lần	3,065,000
2896	27.0400.1210	Nội soi tuyến tiền liệt bằng laser đông vón	Lần	2,964,000
2897	27.0401.1210	Nội soi tuyến tiền liệt bằng sóng Radio cao tần	Lần	2,964,000
2898	27.0402.1210	Nội soi tuyến tiền liệt bằng phương pháp nhiệt	Lần	2,964,000
2899	27.0404.1196	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	Lần	2,485,000
2900	27.0405.1197	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng	Lần	1,647,000
2901	27.0406.1197	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh	Lần	1,647,000
2902	27.0407.1197	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo	Lần	1,647,000
2903	27.0409.1197	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo	Lần	1,647,000

2904	27.0410.1210	Nội soi bóc bạch mạch điều trị đái đường cấp	Lần	2,964,000
2905	27.0411.1209	Phẫu thuật nội soi nạo hạch bên 2 bên (trong ung thư dương vật)	Lần	4,394,000
2906	27.0413.0695	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	Lần	6,021,000
2907	27.0415.0490	Phẫu thuật nội soi mở vòi trứng lấy khối chứa ngoài tử cung + tạo hình vòi trứng	Lần	4,119,000
2908	27.0417.0697	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa	Lần	5,446,000
2909	27.0418.1196	Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	Lần	2,485,000
2910	27.0419.0702	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	Lần	7,330,000
2911	27.0420.0701	Phẫu thuật vét hạch tiểu khung qua nội soi	Lần	7,015,000
2912	27.0422.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp	Lần	6,041,000
2913	27.0423.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ	Lần	6,041,000
2914	27.0424.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	Lần	6,041,000
2915	27.0425.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	Lần	6,041,000
2916	27.0427.0689	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn để lại 2 phần phụ	Lần	5,554,000
2917	27.0428.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + cắt 2 phần phụ	Lần	6,397,000
2918	27.0429.0690	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở người bệnh GEU	Lần	6,397,000
2919	27.0431.0689	Phẫu thuật nội soi cắt góc buồng trứng	Lần	5,554,000
2920	27.0432.0689	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên người bệnh có thai	Lần	5,554,000
2921	27.0434.0689	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	Lần	5,554,000
2922	27.0436.0690	Cắt u buồng trứng + tử cung qua nội soi	Lần	6,397,000
2923	27.0437.1197	Thông vòi tử cung qua nội soi	Lần	1,647,000
2924	27.0439.0541	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet	Lần	3,653,000
2925	27.0440.0541	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	Lần	3,653,000
2926	27.0441.0541	Phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay	Lần	3,653,000
2927	27.0448.0541	Phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay	Lần	3,653,000
2928	27.0463.0541	Phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối	Lần	3,653,000
2929	27.0464.0541	Phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy	Lần	3,653,000
2930	27.0466.0542	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân	Lần	4,645,000